

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2025/DS-PT
Ngày 05 tháng 3 năm 2025
V/v “Tranh chấp thừa kế và huỷ giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên
Các Thẩm phán: bà Lê Thị Tuyết Trinh
ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 910/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp thừa kế và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn L, sinh năm 1946 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Hồ Văn L là: Luật sư Nguyễn Như H – Công ty luật hợp danh Anh Em Luật Sư - Đoàn Luật Thành phố H. Địa chỉ: Số B, T, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Chị Hồ Thị Thùy T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hồ Thành H1, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, Nguyễn Văn Đ, tổ dân phố A, khu phố B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số B, đường C, khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chị Hồ Thị Thúy L1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3. Anh Võ Liêm C, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh T1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T (theo quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022) (có đơn xin vắng mặt).

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Hoàng V1, sinh năm 1970 – Chức vụ: Giám đốc phòng G trực thuộc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Vĩnh Long (theo giấy ủy quyền số: 05/UQ-NHNoTB ngày 09/11/2023) (có đơn xin vắng mặt).

5. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V. Địa chỉ: Số D, P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Hồ Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2022, ngày 08/02/2023, ngày 17/02/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hồ Văn L trình bày:

Cụ Hồ Văn M và cụ Dương Thị Đ1 là vợ chồng. Cụ M và cụ Đ1 có một con duy nhất là ông Hồ Văn L. Ngoài ông L ra không có ai khác là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ M và cụ Đ1.

Lúc sinh thời cụ M và cụ Đ1 tạo lập được các tài sản như sau: Thửa đất số 240, diện tích 5.070m², loại đất trồng lúa và thửa đất số 846, diện tích 320m², loại đất thổ vườn cùng tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra trên thửa 846 có ngôi nhà khoảng 50m².

Cụ M chết năm 1983 không để lại di chúc. Sau khi cụ M chết đến ngày 27/5/1992 cụ Đ1 kê khai đăng ký hai thửa đất trên và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/3/1995.

Ngày 05/10/2005 cụ Đ1 lập di chúc được Ủy ban nhân dân xã S chứng thực định đoạt đối với các tài sản như sau: (1) chia cho con là Hồ Văn L được hưởng 1.000m² đất trồng lúa; (2) chia cho cháu là Hồ Thành H1 được hưởng 2.000m² đất trồng lúa; chia cho cháu là Hồ Thị Thúy L1 được hưởng 1.000m² đất trồng lúa; chia cho cháu là Hồ Thị Thùy T được hưởng 1.000m² đất trồng lúa, căn nhà tường và 320m² đất thổ vườn thửa 846.

Khi còn sống cụ Đ1 chuyển nhượng thửa đất số 240, diện tích 5.070m², loại đất trồng lúa cho người khác lấy tiền chia cho con và cháu giá trị tương đương với diện tích đã ghi trên di chúc. Ông L, anh H1, chị L1 và chị T đã được chia và nhận tiền xong đối với thửa đất trồng lúa. Nên ông L rút lại khởi kiện đối với yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng đất trồng lúa, thửa số 240, diện tích 5.070m² do cụ Dương Thị Đ1 đứng tên.

Năm 2008, cụ Đ1 thực hiện thủ tục cấp đổi thửa đất số 846, diện tích tăng lên 531,6m², loại đất ONT-CLN, do cụ Dương Thị Đ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện T ký cấp ngày 10/3/2008.

Cụ Đ1 chết năm 2012, đến năm 2019 chị Hồ Thị Thùy T kê khai nhận thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 846, tờ bản đồ số 3, diện tích 531,6m², loại đất ONT-CLN theo di chúc từ cụ Dương Thị Đ1 và được cấp đổi thành thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 01/10/2019.

Chị Hồ Thị Thùy T sống chung với cụ Đ1 từ nhỏ đến khi cụ Đ1 chết. Sau khi cụ Đ1 chết chị T tiếp tục quản lý thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất. Đến năm 2018 – 2019 chị T có chồng về tỉnh Sóc Trăng. Ông L trước đây sinh sống ở S về quản lý thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất từ năm 2018 – 2019 cho đến nay.

Tài sản có tại thửa đất 148 gồm:

1. Nhà ở và công trình xây dựng: (1) nhà chính diện tích 45,54m² xây dựng năm 1990; (2) nhà phụ diện tích 42,11m² xây dựng năm 1990; (3) nhà tạm (sàn nước) diện tích 9,329m² xây dựng năm 1990; (4) hồ nước thể tích 6,555m³ xây dựng năm 1990; nhà vệ sinh diện tích 5,13m² xây dựng năm 1990; (5) bể tự hoại thể tích 02m³ xây dựng năm 1990; (6) hàng rào + cổng sắt diện tích 58,5m² xây dựng năm 1990. Tất cả các tài sản này là của cụ Đ1.

Khu mộ khung chịu lực bằng bê tông cốt thép, mái tol, tường xây gạch gồm có 02 ngôi mộ là của cụ Đ1 và cụ M.

2. Cây trồng:

- Mít siêu sớm 18 cây loại C, 08 cây loại B và 01 cây loại A do anh Võ Liêm C chồng chị Hồ Thị Thùy T trồng.

- Đủ đủ 03 cây loại A tự mọc.
- Cóc 01 cây loại C tự mọc.
- Dừa 01 cây loại A tự mọc.
- Xoài 01 cây loại A và 01 cây loại C tự mọc.

3. Cát san lấp 60m³ do cụ Đ1 san lấp.

Với các nội dung nêu trên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố vô hiệu tờ di chúc do cụ Dương Thị Đ1 lập ngày 05/10/2005 được Ủy ban nhân dân xã S chứng thực cùng ngày 05/10/2005.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 01/10/2019.

3. Chia di sản thừa kế của cụ Hồ Văn M và cụ Dương Thị Đ1 cho ông Hồ Văn L là con duy nhất được hưởng toàn bộ thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại: Ấp P, xã S huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của ông L được Tòa án chấp nhận thì ông đồng ý trả giá trị các cây mít do anh C là chồng của chị T trồng. Các cây tự mọc ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cát san lấp là của cụ Đ1, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của ông không được Tòa án chấp nhận thì ông không có yêu cầu công sức giữ gìn, bảo quản thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất. Không yêu cầu giải quyết đối với cây trồng, nhà phụ cùng các công trình trên đất và cát san lấp.

Ông L thống nhất với giá đất, nhà, các công trình xây dựng, cây trồng và cát san lấp theo biên bản khảo sát đo đạc và định giá tài sản ngày 01/02/2024.

- Bị đơn chị Hồ Thị Thùy T trình bày:

Chị T xác định, về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế của cụ M và cụ Đ1 đúng như ông L trình bày.

Lúc sinh thời cụ M và cụ Đ1 tạo lập được các tài sản như sau: Thửa đất số 240, diện tích 5.070m², loại đất trồng lúa và thửa đất số 846, diện tích 320m², loại đất thổ vườn cùng tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, trên thửa 846 có ngôi nhà khoảng 50m².

Cụ M chết năm 1983 không để lại di chúc. Sau khi cụ M chết đến ngày 27/5/1992 cụ Đ1 kê khai đăng ký hai thửa đất trên và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/3/1995.

Ngày 05/10/2005 cụ Đ1 lập di chúc được Ủy ban nhân dân xã S chứng thực định đoạt đối với các tài sản như sau: (1) chia cho con là Hồ Văn L được hưởng 1.000m² đất trồng lúa; (2) chia cho cháu là Hồ Thành H1 được hưởng 2.000m² đất trồng lúa; chia cho cháu là Hồ Thị Thúy L1 được hưởng 1.000m² đất trồng lúa; chia cho cháu là Hồ Thị Thùy T được hưởng 1.000m² đất trồng lúa cùng căn nhà tường và 320m² đất thổ vườn thửa 846.

Khi còn sống cụ Đ1 chuyển nhượng thửa đất số 240, diện tích 5.070m², loại đất trồng lúa cho người khác lấy tiền chia cho con và cháu giá trị tương đương với diện tích đã ghi trên di chúc. Ông L, anh H1, chị L1 và chị T đã được chia và nhận tiền xong đối với thửa đất trồng lúa.

Năm 2008, cụ Đ1 thực hiện thủ tục cấp đổi thửa đất số 846, diện tích tăng lên 531,6m², loại đất ONT-CLN, do cụ Dương Thị Đ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện T ký cấp ngày 10/3/2008.

Cụ Đ1 chết năm 2012, đến năm 2019 chị Hồ Thị Thùy T kê khai nhận thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 846, tờ bản đồ số 3, diện tích 531,6m², loại đất ONT-CLN từ cụ Dương Thị Đ1 và được cấp đổi thành thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 01/10/2019.

Chị Hồ Thị Thùy T sống chung với cụ Đ1 từ nhỏ đến khi cụ Đ1 chết. Sau khi cụ Đ1 chết chị T tiếp tục quản lý thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất đến năm 2018 – 2019 có chồng về tỉnh Sóc Trăng sinh sống. Ông L trước đây sinh sống ở S về quản lý thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất từ năm 2018- 2019 cho đến nay.

Tài sản có tại thửa đất 148 gồm:

1. Nhà ở và công trình xây dựng: (1) nhà chính diện tích 45,54m² xây dựng năm 1990; (2) nhà phụ diện tích 42,11m² xây dựng năm 1990; (3) nhà tạm (sàn nước) diện tích 9,329m² xây dựng năm 1990; (4) hồ nước thể tích 6,555m³ xây dựng năm 1990; nhà vệ sinh diện tích 5,13m² xây dựng năm 1990; (5) bể tự hoại thể tích 02m³ xây dựng năm 1990; (6) hàng rào + cổng sắt diện tích 58,5m² xây dựng năm 1990. Tất cả các tài sản này là của cụ Đ1.

Khu mộ khung chịu lực bằng bê tông cốt thép, mái tol, tường xây gạch gồm có 02 ngôi mộ là của cụ Đ1 và cụ M.

2. Cây trồng:

- Mít siêu sớm 18 cây loại C, 08 cây loại B và 01 cây loại A do anh Võ Liêm C chồng chị Hồ Thị Thùy T trồng.

- Đu đủ 03 cây loại A tự mọc.

- Cóc 01 cây loại C tự mọc.

- Dừa 01 cây loại A tự mọc.
- Xoài 01 cây loại A và 01 cây loại C tự mọc.

3. Cát san lấp 60m³ do cụ Đ1 san lấp.

Ngày 25/10/2019 chị T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T – Phòng G để vay số tiền vốn ban đầu 300.000.000đ sau đó trả xong vay đáo hạn lại với số tiền vốn 295.000.000đ, thời gian vay 36 tháng, ngày vay 18/3/2022, ngày đến hạn 15/3/2025. Mục đích vay chăn nuôi bò. Tài sản thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 291105, thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m² loại đất ONT+CLN có căn nhà cấp 4 trên đất, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long chị T đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng.

Chị T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L. Chị T không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Chị T yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với di sản của cụ M. Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại ấp P, xã S huyện T tỉnh Vĩnh Long là tài sản của chị hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Đ1 chị đồng ý để cho cha là ông Hồ Văn L ở đến cuối đời.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 23/01/2024 và các lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N là ông Phạm Hoàng V1 trình bày:

Ngày 18/3/2022 chị T ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T – Phòng G vay 295.000.000đ vốn, thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 18/3/2022 đến ngày 15/3/2025). Mục đích vay chăn nuôi bò. Tài sản thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 291105, thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m² loại đất ONT+CLN có căn nhà cấp 4 trên đất, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi vay chị T không có vi phạm hợp đồng, nhưng do chị T bị cha ruột là ông L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T và ông L phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/01/2024 là 303.688.356 đồng và tiếp tục tính lãi suất phát sinh đến khi thu hồi hết phần nợ vay.

Ngày 24/6/2024 Ngân hàng có đơn rút toàn bộ đơn yêu cầu độc lập. Lý do chị T đã trả gốc và lãi đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Ông V1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông cho đến khi kết thúc vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Liêm C trình bày:

Toàn bộ các cây mít siêu sớm tại thửa đất số 148 do anh trồng. Trong trường hợp Tòa xử chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của ông L. Thì anh yêu cầu ai

được chia đất ngay tại vị trí các cây mít do anh trồng phải có nghĩa vụ trả lại giá trị cây cho anh. Trong trường hợp Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, đất còn của chị T vợ anh thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết cây mít do anh trồng. Ngoài ra anh không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Thành H1 trình bày:

Anh H1 không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Thúy L1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng: Các Điều 26, 144, 147, 153, 154, 157, 165, 166 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660 và 661 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 652, 653 và 654 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 611, 612, 614, 618, 624, 626, 630, 643, 645, 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1. Đình chỉ xét xử việc ông L rút khởi kiện đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất trồng lúa, thửa số 240, diện tích 5.070m² do cụ Dương Thị Đ1 đứng tên và đình chỉ xét xử việc Ngân hàng N rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với yêu cầu buộc chị T và ông L phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/01/2024 là 303.688.356 đồng và tiếp tục tính lãi suất phát sinh đến khi thu hồi hết phần nợ vay.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L được sửa đổi tại phiên tòa như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu vô hiệu một phần tờ di chúc do cụ Đ1 lập ngày 05/10/2005 liên quan đến việc cụ Đ1 định đoạt thửa đất số 846, diện tích 320m², loại đất ONT + CLN và căn nhà trên đất cho chị T hưởng thừa kế.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 01/10/2019.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồ Văn M và cụ Dương Thị Đ1 cho ông Hồ Văn L là con duy nhất được hưởng toàn bộ thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại: Ấp P, xã S huyện T tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chí phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2024, nguyên đơn là ông Hồ Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các yêu cầu sau: Xác định lại tài sản của cụ Hồ Văn M khi chết trở thành di sản chưa chia và chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Hồ Văn M; Hủy toàn bộ di chúc năm 2005 do cụ Dương Thị Đ1 lập ra; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên bà Hồ Thị Thùy T. Sau đó chia lại thừa kế di sản theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hồ Văn L trình bày:

Thứ nhất, cụ Hồ Văn M và cụ Dương Thị Đ1 chung sống với nhau từ năm 1945 và sinh ra ông là Hồ Văn L (sinh năm 1946). Hai vợ chồng trong quá trình chung sống có tạo lập được các tài sản như sau: Thửa đất số 240, diện tích 5.070m², loại đất trồng lúa và thửa đất số 846, diện tích 320m², loại đất thổ vườn cùng tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra trên thửa 846 có ngôi nhà khoảng 50m². Năm 1983 cụ Hồ Văn M chết không để lại di chúc. Năm 1992 mẹ ông L là cụ Dương Thị Đ1 đi đăng ký quyền sử dụng đất đến năm 1995 được UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: 5.070m² đất ruộng và 320m² đất thổ vườn. Bản án sơ thẩm cho rằng việc cụ Đ1 kê khai đăng ký được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông L không có tranh chấp hay phản đối gì là không đúng. Ông L đi làm nuôi mẹ, nuôi vợ và con nên không biết việc mẹ ông đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Việc UBND huyện T không ghi nhận công sức cũng như thành quả lao động của cha ông là cụ M trong quá trình chung sống với cụ Đ1 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân cụ Đ1 là không đúng với quy định của pháp luật.

Thứ hai, trong di chúc của mẹ của ông L là cụ Dương Thị Đ1 gồm 02 phần: phần đất lúa 5.070m² bán chia cho ông L và các con của ông L thì ông L đồng ý phần này nhưng phần cụ Đ1 định đoạt thửa đất số 846, diện tích 320m², loại đất ONT + CLN và căn nhà trên đất cho chị T là con của ông L hưởng thừa kế thì ông không đồng ý vì ông là con trai duy nhất trong nhà, có trách nhiệm trông coi phần mộ và thờ tổ tiên. Việc mẹ ông là cụ Đ1 lập di chúc ông L không biết, không nghe chỉ đến khi mẹ ông chết năm 2012 sau khi bà T đi đăng ký thì ông mới biết, nhà và đất hiện tại con ông là bà T đứng tên toàn bộ. Đây là nhà và đất của cha mẹ ông, ông còn sống nhưng di chúc để lại toàn bộ cho con ông là bà T là không đúng. Ông L đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần di chúc.

Thứ ba, trong di chúc ghi cho bà Hồ Thị Thùy T 320m² đất và nhà nhưng không ghi diện tích còn lại của đất là 594,5m² không nằm trong di chúc cho bà T đăng ký biến động quyền sử dụng đất và được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất lẽ ra phải được chia thừa kế theo pháp luật.

Thứ tư, trong hồ sơ đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất bà T giả chữ ký của ông trong khi đó ông L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Bình giám định chữ ký đã xác định không phải đúng chữ ký của ông L.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ yêu cầu kháng cáo của của ông L.

Luật sư Nguyễn Như H trình bày:

Di chúc của cụ Dương Thị Đ1 là gồm 02 phần: Phần đất lúa năm 2005 khi làm di chúc thì cụ Đ1 đã bán và chia cho con và các cháu thì phần này ông L đồng ý. Ông L chỉ yêu cầu hủy một phần di chúc là vì di chúc năm 2005 có nhiều vấn đề không đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ qua nhiều chi tiết và nguồn gốc tài sản.

Về nguồn gốc tài sản thì cụ Hồ Văn M và cụ Dương Thị Đ1 tạo dựng được khối tài sản và căn nhà. Năm 1983 cụ M chết không có di chúc, năm 1992 cụ Dương Thị Đ1 kê khai nhà đất ra UBND huyện T và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân cụ Đ1. Về đất ở thì di chúc năm 2005 của cụ Đ1 phân tài sản bất động sản ghi là vợ chồng tôi để lại là không đúng theo quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 1 Điều 25, Điều 35 Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định “Khi một bên chết trước, nếu tài sản của vợ chồng cần chia, thì chia như quy định ở Điều 29. Vợ và chồng đều có quyền thừa kế tài sản của nhau”. Di chúc này cụ Đ1 tạo lập bao gồm phần thừa kế của ông L bởi vì cụ M chết năm 1983, di sản của cụ M được chia làm 02 phần, một phần của cụ Đ1 và một phần của cụ M, phần còn lại của cụ L là con duy nhất của cụ M và cụ Đ1.

Về hình thức của di chúc thì di chúc của cụ Đ1 đã vi phạm Điều 655 của Bộ luật Dân sự năm 1995 như sau:

Thứ nhất, năm 2005 cụ Đ1 đã 81 tuổi nên việc xác định cụ Đ1 có minh mẫn, tỉnh táo cần có cơ quan chuyên môn khám sức khỏe để chứng minh cụ Đ1 có sức khỏe bình thường nhưng trong quá trình lập di chúc đã không thực hiện điều này nên có thể lúc đó cụ Đ1 không minh mẫn, sáng suốt.

Thứ hai, căn cứ quy định tại khoản 4 mục I của Thông tư số 04/1999/TT-BCA(C13) ngày 29/4/1999 của Bộ C1 hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân có quy định Chứng minh nhân dân có giá trị sử dụng 15 năm trong khi chứng minh nhân dân của cụ Dương Thị Đ1 được cấp từ năm 1980 đến năm 2005 là 25 năm. Như vậy, chứng minh nhân dân đã quá thời hạn 10 năm nên các giao dịch dân sự không có giá trị.

Thứ ba, căn cứ khoản 2 Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu tuy nhiên trong di chúc rất nhiều chữ viết tắt như CL, UBND, TQ. Ngoài ra, di chúc có nhiều lỗi chính tả, lỗi văn bản rất khó hiểu, ghi sai năm sinh ông Hồ Văn L 1946 thì ghi 1945 trong khi đó

nói cụ Đ1 còn minh mẫn. Dòng thứ 14 từ dưới lên của di chúc ghi là: “....nay tôi Di chúc cho các con và cháu tôi” ghi như vậy là sai hoàn toàn vì cụ Đ1 chỉ có một người con duy nhất, không thể ghi là các con trong khi cháu nội có 03 người thì ghi cháu tôi. Tương tự như vậy là tại dòng thứ 7 từ dưới lên: “theo nội dung di chúc này các con và cháu tôi”. Dòng thứ 5 từ dưới lên ghi: “trên đây là nội dung tờ di chúc kính mong UBND xác lập” và UBND đánh thành UBDN.

Điều 659 Bộ luật Dân sự quy định di chúc bằng văn bản có người làm chứng thì trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc, thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Ở đây, chắc chắn cụ Đ1 không thể tự soạn thảo di chúc, tự đánh máy nên di chúc phải nhờ người soạn thảo, nhưng di chúc không có người làm chứng. Như vậy, có thể việc lập di chúc này có phải là đúng như ý nguyện hay không. Di chúc được đánh máy, chắc chắn không phải là cụ Đ1 đánh máy nên cần có ít nhất hai người làm chứng, nhưng ở đây chỉ có người chứng thực và cụ Đ1. Hơn nữa, phần chứng thực của UBND xã S cũng không đúng: “Di chúc này do bà: Dương Thị Đ1, sinh năm: 1924, ngụ ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, CMND số: 330585930 cấp ngày 31/05/1980 soạn thảo.” Hoàn toàn vô lý, một người 81 tuổi, tự đánh máy soạn thảo di chúc của mình. Trong Di chúc tại phần điểm chỉ cũng không nêu rõ là ngón tay nào, nay cụ Đ1 đã chết, không có căn cứ gì để xác nhận những ngón tay điểm chỉ kia là của cụ Đ1. Ngoài ra, năm 2008 cụ D làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích tăng lên 531m² nhưng không cập nhật vào trong di chúc. Điều này dẫn đến việc nghi ngờ rằng việc lập di chúc có phải ý nguyện của cụ D hay không. Tôi đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hồ Thị Thùy T vì những lý do sau: Văn bản phân chia di chúc năm 2019 là giả chữ ký ông Hồ Văn L theo (BL114) Kết luận giám định số 386/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh V - chữ ký trên văn bản phân chia di chúc không phải của ông Hồ Văn L. Như vậy, hồ sơ kê khai nhận thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 846, tờ bản đồ số 3, diện tích 531,6m², loại đất ONT-CLN từ cụ Đ1 sang tên bà Hồ Thị Thùy T là sai quy định pháp luật về đất đai.

Từ những lý do nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm, xác định lại tài sản của cụ Hồ Văn M khi chết trở thành di sản chưa chia và chia thừa kế theo pháp luật phân di sản của cụ Hồ Văn M. Hủy toàn bộ di chúc năm 2005 do cụ Dương Thị Đ1 lập ra, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên bà Hồ Thị Thùy T. Sau đó chia lại thừa kế di sản theo pháp luật.

Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019 của bà T có Văn bản phân chia di sản thừa kế. Văn bản phân chia di sản thừa kế được Tòa án đi giám định và chữ ký trên Văn bản phân chia di sản thừa kế là hoàn toàn không phải của ông L nên việc đăng ký kê khai biến động quyền sử dụng đất của

bà T là hoàn toàn sai quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm không xem xét tình tiết này.

Bà Hồ Thị Thùy T trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm bà T đồng ý lấy phần đất đòi ra diện tích 274,5m² và trả lại giá trị cho ông L với số tiền 1.000.0000 đồng/m² tương đương 274.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị Thùy T chấp nhận trả giá trị cho phía bên nguyên đơn và phía nguyên đơn đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đây là tình tiết mới tại phiên tòa hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn L nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Hồ Văn L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long là đúng quy định.

Về nội dung:

[1] Cụ M và cụ Đ1 là vợ chồng tạo lập được các tài sản như sau: Thửa đất số 240, diện tích 5.070m², loại đất trồng lúa và thửa đất số 846, diện tích 320m², loại đất thổ vườn cùng tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Khi cụ M còn sống thì cụ M và cụ Đ1 không có kê khai đăng ký thửa đất số 240, diện tích 5.070m², loại đất trồng lúa và thửa đất số 846, diện tích 320m², loại đất thổ vườn cùng tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1983 cụ M chết không để lại di chúc. Sau khi cụ M chết, đến ngày 27/02/1992 cụ Đ1 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa 240 và thửa 846 lần đầu, trên cơ sở đăng ký lần đầu nên ngày 25/3/1995 Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cá nhân cụ Dương Thị Đ1. Việc cụ Đ1 kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông L không có tranh chấp hay phản đối gì. Mặt khác, ông L cũng đồng ý với việc cụ Đ1 lập di chúc định đoạt thửa đất 240. Tại Công văn số: 1548/UBND-NC ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T (bút lục 388) xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/3/1995 cho cá nhân cụ Dương Thị Đ1. Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất số 240 và 846 là của cá nhân cụ Đ1. Trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cá nhân nên ngày 05/10/2005 cụ Đ1 lập di chúc được

Ủy ban nhân dân xã S chứng thực định đoạt đối với các tài sản như sau: (1) chia cho con là Hồ Văn L được hưởng 1.000m² đất trồng lúa; (2) chia cho cháu là Hồ Thành H1 được hưởng 2.000m² đất trồng lúa; chia cho cháu là Hồ Thị Thúy L1 được hưởng 1.000m² đất trồng lúa; chia cho cháu là Hồ Thị Thùy T được hưởng 1.000m² đất trồng lúa, căn nhà tường và 320m² đất thổ vườn thửa 846. Ông L và các đồng thừa kế theo di chúc không có tranh chấp đồng ý nhận hưởng giá trị phần đất lúa đúng theo nội dung di chúc khi cụ Đ1 còn sống đã chia. Xét thấy, di chúc của cụ Đ1 lập đúng quy định các Điều 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660 và 661 Bộ luật Dân sự năm 1995 nên không chấp nhận việc ông L yêu cầu vô hiệu một phần tờ di chúc do cụ Đ1 lập ngày 05/10/2005 liên quan đến việc cụ Đ1 định đoạt thửa đất số 846, diện tích 320m², loại đất ONT + CLN và căn nhà trên đất cho chị T hưởng thừa kế. Như đã nhận định trên, thửa đất 846 là của cá nhân cụ Đ1. Nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông L chia thừa kế di sản của cụ M.

[2] Trên cơ sở Tờ di chúc ngày 05/10/2005 của cụ Đ1. Sau khi cụ Đ1 chết ngày 22/9/2019 ông L và chị T có văn bản phân chia tài sản thừa kế. Theo văn bản chị T là người được hưởng thửa đất số 148 (thửa cũ 846) được Ủy ban nhân dân xã S chứng thực số 80, quyền số 1/2019/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 23/5/2019. Trong năm 2019 chị T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 846 lại thành thửa mới số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m² được Ủy ban nhân dân xã S có ý kiến sử dụng ổn định không tranh chấp và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thẩm định ngày 16/7/2019 đủ điều kiện cấp giấy theo Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nên ngày 01/10/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², mục đích sử dụng (đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 294,5m²) cho chị T là đúng theo quy định tại Điều 95 và khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 nên không có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, do chị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 01/10/2019 theo yêu cầu của ông L.

[3] Quá trình giải quyết vụ án ông L và chị T đều xác định nhà ở và công trình xây dựng trên thửa đất 148 như: nhà chính, nhà phụ, nhà tạm (sàn nước), hồ nước, nhà vệ sinh, bể tự hoại, hàng rào, cổng sắt tất cả các tài sản này là của cụ Đ1 xây dựng từ năm 1990. Đồng thời, ông L xác định trong trường hợp yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông không được Tòa án chấp nhận thì ông không có yêu cầu công sức giữ gìn, bảo quản thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất. Không yêu cầu giải quyết đối với cây trồng và cát san lấp.

Tuy nhiên, theo di chúc ngày 05/10/2005 cụ Đ1 chỉ để lại cho bà T diện tích 320m² đất. Nay đo đạc thực tế là 594,5m² diện tích dôi ra so với di chúc là 274,5m². Tại phiên tòa ông L đề nghị bà T giao trả lại diện tích đất dôi ra này cho

ông. Lý ra bà T phải trả lại phần đất dôi ra này cho ông L (vì ông L là người thừa kế duy nhất của cụ Đ1) thế nhưng với diện tích đất trên thì không xác định được vị trí đất nào là đất thổ, vị trí nào là đất nông nghiệp. Hơn nữa, hiện trạng thực tế của diện tích đất trên không thể giao hiện vật cho ông L như đã nhận định tại mục [3]. Tại phiên tòa ông L và bà T thống nhất như sau: Bà T đồng ý thanh toán giá trị đất chênh lệch cho ông L với số tiền 274.500.000 đồng. Ông L đồng ý nhận số tiền trên và giao phần đất dôi ra này cho bà T tiếp tục sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận trên không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Hồ Văn L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn L. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Áp dụng: Các Điều 26, 144, 147, 153, 154, 157, 165, 166 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660 và 661 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 652, 653 và 654 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 611, 612, 614, 618, 624, 626, 630, 643, 645, 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1. Đình chỉ xét xử việc ông L rút khỏi kiện đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất trồng lúa, thửa số 240, diện tích 5.070m² do cụ Dương Thị Đ1 đứng tên và đình chỉ xét xử việc Ngân hàng N rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với yêu cầu buộc chị T và ông L phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/01/2024 là 303.688.356 đồng và tiếp tục tính lãi suất phát sinh đến khi thu hồi hết phần nợ vay.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L được sửa đổi tại phiên tòa như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu vô hiệu một phần tờ di chúc do cụ Đ1 lập ngày 05/10/2005 liên quan đến việc cụ Đ1 định đoạt thửa đất số 846, diện tích 320m², loại đất ONT + CLN và căn nhà trên đất cho chị T hưởng thừa kế.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, do chị T đứng tên

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 01/10/2019.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồ Văn M và cụ Dương Thị Đ1 cho ông Hồ Văn L là con duy nhất được hưởng toàn bộ thửa đất số 148, tờ bản đồ số 25, diện tích 594,5m², loại đất ONT-CLN, căn nhà và các công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại: Ấp P, xã S huyện T tỉnh Vĩnh Long.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Hồ Văn L và chị Hồ Thị Thùy T: Chị Hồ Thị Thùy T có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn L số tiền 274.500.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng:

4.1. Chi phí giám định: Buộc ông Hồ Văn L nộp 4.400.000đ. Nhưng được trừ vào 5.000.000đ ông L đã nộp tạm ứng. Còn lại 600.000đ Tòa án nhân dân huyện Tam Bình trả cho ông L nhận đủ theo phiếu chi ngày 08/9/2023.

4.2. Chi phí khảo sát, đo đạc, định giá: Buộc ông Hồ Văn L nộp 6.930.000đ. Nhưng được trừ vào 19.000.000đ ông L đã nộp tạm ứng. Còn lại 12.070.000đ (Tòa án nhân dân huyện Tam Bình trả cho ông L nhận đủ 6.000.000đ theo phiếu chi ngày 13/11/2023 và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long trả cho ông L nhận đủ 6.070.000đ theo biên bản ngày 12/9/2023).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 7.592.209đ (bảy triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm lẻ chín đồng) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0015034 ngày 12/6/2024.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn L không phải chịu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Vĩnh Long; (1)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long ; (1)
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long ; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- NCQLNVLQ; (5)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên